

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-09-2022

“Về tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Ngoan**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**

2. Ông **Huỳnh Bửu Hòa**

Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Sơn Thị Th**, sinh năm 2000 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Ấp CTr, xã LTh, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh **Thạch Thanh T**, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp CTr, xã LTh, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Người phiên dịch: Ông **Kim Trường Mu Ni**-Công tác tại BND ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/02/2022 và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần nguyên đơn chị Sơn Thị Th trình bày:

Vào ngày 18/5/2020 chị có xác lập quan hệ vợ chồng với anh Thạch Thanh T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thới vào tháng 05/2020. Quá trình chung sống vợ chồng chị không có con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị Sơn Thị Th khai vợ chồng chị sống chung không hợp nhau do hai bên không tìm hiểu mà do hôn nhân mai mối nên khi cưới

nhau được hai tháng thì anh chị ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Thạch Thanh T.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Chị Sơn Thị Th khai không có nên chị không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Sơn Thị Th đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 (một) căn cước công dân của chị Sơn Thị Th; 01 (một) sổ hộ khẩu gia đình do ông Sơn Ch là cha ruột chị Sơn Thị Th làm chủ hộ, hộ khẩu mang số 4065 ngày 29/07/2015 của Công an huyện Tiểu Cần cấp (Có đối chiếu bản gốc); 01 (một) giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) số: 38 ngày 18/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã Long Thới cấp;

Đối với bị đơn anh Thạch Thanh T sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần 1 vào ngày 12/9/2022; lần 2 vào ngày 28/9/2022 hợp lệ cho anh Tiền nhưng anh Tiền vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh Tiền được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét thấy đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Sơn Thị Th xin ly hôn anh Thạch Thanh T nên đây là vụ kiện “*Tranh chấp về ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn anh Thạch Thanh T có nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Sơn Thị Th có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Thạch Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Tiền vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Thạch Thanh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sơn Thị Th và anh Thạch Thanh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thới vào tháng 05 năm 2020 theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị Thia và anh Tiền là hợp pháp. Trong quá trình chung

sống vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến anh chị sống ly thân từ tháng 07 năm 2020 cho đến nay. Tại hồ sơ vụ án chị Thia xác định giữa chị và anh Tiền cuộc hôn nhân này là do mai mối nên khi cưới nhau được hai tháng thì anh, chị ly thân và không còn tình cảm thương yêu, quý trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận cho chị Sơn Thị Th được ly hôn với anh Thạch Thanh T.

[4] Đối với con chung: Do chị Sơn Thị Th khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Sơn Thị Th khai chị và anh Thạch Thanh T không có tài sản chung và nợ chung. Do Tòa án không thể làm việc trực tiếp với anh Thạch Thanh T để biết được ý kiến của anh Thạch Thanh T như thế nào về tài sản chung và nợ chung giữa anh Thạch Thanh T và chị Sơn Thị Th hay không. Vì vậy, nếu sau khi ly hôn anh Thạch Thanh T có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị Sơn Thị Th thì được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn với chị Sơn Thị Th.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Sơn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị Th, cho chị Sơn Thị Th được ly hôn với anh Thạch Thanh T.

2. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Chị Sơn Thị Th khai không có không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau khi ly hôn anh Thạch Thanh T có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị Sơn Thị Th thì anh Thạch Thanh T được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn với chị Sơn Thị Th.

3. Về án phí: Chị Sơn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008969 ngày 14/04/2022 của Chi cục thi

hành án dân sự huyện Tiểu Cần, như vậy chị Thia đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Sơn Thị Th, bị đơn anh Thạch Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

***Nơi nhận:**

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CCTHADS huyện Tiểu Cần;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã Long Thới;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Ngoan

